

Số:...../BC-BKHCN

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2026

**BÁO CÁO****Tổng kết việc thi hành Luật Đo lường**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tiến hành tổng kết việc thi hành Luật Đo lường. Kết quả như sau:

**I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT****1. Bối cảnh trong nước và quốc tế liên quan đến các chính sách****1.1. Bối cảnh quốc tế**

Trên bình diện quốc tế, hoạt động đo lường đang trải qua những thay đổi sâu sắc dưới tác động của toàn cầu hóa, thương mại quốc tế và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đo lường ngày càng được coi là một bộ phận cấu thành của hạ tầng chất lượng quốc gia, đóng vai trò bảo đảm độ tin cậy của giao dịch thương mại, bảo vệ người tiêu dùng, hỗ trợ đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Nhiều quốc gia chú trọng hài hòa hóa pháp luật đo lường với các khuyến nghị của Tổ chức Đo lường Pháp định Quốc tế (OIML), bảo đảm truy xuất nguồn gốc đo lường theo CIPM MRA, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về hàng rào kỹ thuật trong thương mại và đánh giá sự phù hợp trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Sự phát triển nhanh của công nghệ số, cảm biến thông minh, Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn đang làm xuất hiện các mô hình đo lường mới dựa trên phần mềm, dữ liệu và kết nối thời gian thực. Trước xu thế này, nhiều quốc gia đã điều chỉnh pháp luật đo lường theo hướng mở rộng phạm vi điều chỉnh từ phương tiện đo truyền thống sang hệ thống đo thông minh, phần mềm đo và dữ liệu đo lường, đồng thời thừa nhận giá trị pháp lý của hồ sơ, chứng chỉ đo lường điện tử, tăng cường quản lý an toàn, toàn vẹn và truy xuất nguồn gốc dữ liệu đo. Song song với đó, các mục tiêu toàn cầu về chuyển đổi năng lượng, giảm phát thải và phát triển bền vững cũng đặt ra yêu cầu mới đối với hệ thống đo lường, đặc biệt trong các lĩnh vực môi trường, năng lượng tái tạo, kinh tế xanh và tín chỉ carbon.

Tại Liên minh châu Âu (EU), pháp luật đo lường được định hướng theo mô hình “hướng tới tương lai” (future-proof), gắn chặt với chiến lược thị trường số và đổi mới sáng tạo. EU chú trọng xây dựng hạ tầng đo lường số hóa, tiêu biểu là sáng kiến European Metrology Cloud, cho phép số hóa dữ liệu đo, chứng nhận điện tử, truy xuất nguồn gốc và giám sát từ xa. Thông qua các hướng dẫn của WELMEC, EU từng bước tích hợp các yêu cầu pháp lý đối với phần mềm đo, an ninh dữ liệu và tính toàn vẹn của kết quả đo, qua đó mở rộng phạm vi pháp luật

đo lường sang các hệ thống đo dựa trên phần mềm và nền tảng số, đồng thời thúc đẩy công nhận lẫn nhau trong thị trường chung.

Hoa Kỳ tổ chức hệ thống đo lường pháp định theo mô hình phân quyền, trong đó NIST giữ vai trò cung cấp chuẩn và định hướng kỹ thuật, còn các bang thực hiện quản lý và giám sát thị trường. Cách tiếp cận này tạo điều kiện linh hoạt để áp dụng công nghệ mới, đồng thời bảo đảm minh bạch và hiệu quả quản lý. Trong bối cảnh chuyển đổi số, Hoa Kỳ đang thúc đẩy số hóa quy trình đo lường, phát triển hạ tầng dữ liệu đo, tích hợp IoT, phần mềm và dịch vụ số vào chứng nhận kiểu và kiểm định, qua đó mở rộng phạm vi quản lý đo lường sang toàn bộ hệ thống đo lường trong môi trường số.

Nhật Bản ban hành Luật Đo lường (Measurement Act) với mục tiêu thiết lập các tiêu chuẩn đo lường và bảo đảm việc thực hiện phép đo chính xác, qua đó góp phần phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng xã hội. Mục tiêu này được xác định rõ trong Luật: *“The purpose of this Act is to establish standards of measurement and ensure execution of appropriate measurement, and thereby to contribute to economic development and cultural enhancement.”*

Pháp luật đo lường tại Nhật chú trọng chuẩn hóa, phê duyệt kiểu và truy nguyên hiệu chuẩn thông qua hệ thống JCSS (Japan Calibration Service System - Hệ thống Dịch vụ Hiệu chuẩn Nhật Bản), bảo đảm độ chính xác trong thương mại. Mặc dù chưa có quy định riêng về đo lường số, khung pháp lý đủ linh hoạt để tích hợp công nghệ cao và hài hòa quốc tế.

Trung Quốc ban hành Luật Đo lường của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa với vai trò là văn bản pháp lý cao nhất điều chỉnh hoạt động đo lường, nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống đơn vị đo, độ chính xác và độ tin cậy của giá trị đo, phục vụ phát triển sản xuất, thương mại, khoa học - công nghệ và hiện đại hóa xã hội. Luật Đo lường được xây dựng theo mô hình quản lý tập trung, Nhà nước kiểm soát chặt chẽ phương tiện đo và hệ chuẩn quốc gia. Trung Quốc đi đầu trong số hóa hoạt động đo lường, triển khai chứng chỉ hiệu chuẩn điện tử và cơ sở dữ liệu đo lường quốc gia.

Cộng hòa Liên bang Đức xây dựng hệ thống đo lường pháp định trên cơ sở Units and Time Act (Luật Đơn vị và Thời gian) và Measures and Verification Act (Luật Đo lường và Kiểm định) cùng các nghị định thi hành, nhằm quản lý toàn diện hoạt động đo lường và gắn chặt với khuôn khổ thị trường chung châu Âu.

Pháp luật đo lường mở rộng phạm vi điều chỉnh sang thiết bị đo thông minh, phần mềm và dữ liệu điện tử. Đức là quốc gia tiên phong luật hóa chứng chỉ hiệu chuẩn điện tử (DCC) và hài hòa sâu với tiêu chuẩn OIML, WELMEC.

Luật Đo lường được cải cách theo hướng quản lý dựa trên nguyên tắc, định hướng tương lai, giảm chi phí tuân thủ và khuyến khích đổi mới công nghệ. Pháp luật tạo dư địa pháp lý cho phương pháp đo mới và chuyển đổi số.

Hàn Quốc điều chỉnh hoạt động đo lường pháp định chủ yếu thông qua Luật về Đo lường (Measures Act), được sửa đổi nhiều lần (gần nhất năm 2024), nhằm thiết lập tiêu chuẩn đo lường và bảo đảm phép đo chính xác trong thương mại. Hệ

thống đo lường pháp định do Cơ quan Tiêu chuẩn và Công nghệ Hàn Quốc (KATS) quản lý, với Viện Nghiên cứu Tiêu chuẩn và Khoa học Hàn Quốc (KRISS) là Viện Đo lường Quốc gia, duy trì chuẩn đo lường phù hợp với hệ SI.

Mặc dù chưa có chương riêng về đo lường số, các sửa đổi gần đây đã tạo nền tảng cho việc cập nhật quy định kỹ thuật, triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong quản lý dữ liệu đo lường, đo thông minh và truy nguyên quốc tế, phù hợp với thông lệ của OIML và APLMF.

Trong khu vực ASEAN, các quốc gia như Singapore, Malaysia và Thái Lan tích cực hài hòa hóa pháp luật đo lường theo khuyến nghị của OIML và các khuôn khổ hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quản lý đo lường sang các lĩnh vực logistics, thương mại điện tử, môi trường và năng lượng tái tạo, phục vụ hội nhập khu vực và chuỗi cung ứng toàn cầu.

Nhìn chung, bối cảnh quốc tế và khu vực cho thấy xu hướng chủ đạo là chuyển đổi số hoạt động đo lường, mở rộng phạm vi quản lý sang các lĩnh vực và đối tượng đo mới, tăng cường vai trò của doanh nghiệp trong hệ thống đo lường, đồng thời hoàn thiện mô hình quản lý nhà nước theo hướng hiện đại, minh bạch và phù hợp thông lệ quốc tế. Đây là những yếu tố trực tiếp đặt ra yêu cầu và tạo cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng các chính sách sửa đổi Luật Đo lường của Việt Nam theo hướng chuyển đổi số toàn diện, nâng cao năng lực hệ thống đo lường quốc gia và hoàn thiện phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước về đo lường.

## 1.2. Bối cảnh trong nước

Sau gần 15 năm thi hành, Luật Đo lường đã tạo lập nền tảng pháp lý quan trọng cho hoạt động quản lý nhà nước về đo lường, góp phần bảo đảm công bằng trong giao dịch thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, nhiều quy định của Luật đã bộc lộ hạn chế, bất cập, chưa theo kịp sự thay đổi nhanh của khoa học – công nghệ, mô hình tăng trưởng và phương thức quản lý hiện đại.

Trong thời gian qua, hệ thống pháp luật có liên quan như Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật cùng các chính sách cải cách thủ tục hành chính đã được ban hành, sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng tính thị trường, giảm can thiệp hành chính. Quá trình này làm phát sinh các điểm giao thoa, chồng chéo với Luật Đo lường, đặt ra yêu cầu phải rà soát, đồng bộ hóa các quy định về phân cấp quản lý, điều kiện hoạt động của tổ chức đo lường, quản lý phương tiện đo và cơ chế kiểm soát thị trường.

Đồng thời, sự phát triển nhanh của các lĩnh vực năng lượng, môi trường, thương mại điện tử, logistics, y tế và công nghệ số đã làm xuất hiện nhiều yêu cầu mới đối với hoạt động đo lường, đặc biệt liên quan đến phương tiện đo thông minh, đo lường từ xa, chuẩn đo lường hiện đại và dữ liệu đo lường trong môi trường số. Hệ thống chuẩn đo lường quốc gia và năng lực của các tổ chức đo lường tuy đã từng bước được nâng cao nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hội nhập quốc tế và nhu cầu của nền kinh tế. Bên cạnh đó, cơ chế quản lý theo rủi

ro, giám sát thị trường đo lường và phân cấp quản lý còn hạn chế; thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh trong một số lĩnh vực còn phức tạp, chưa phù hợp với yêu cầu cắt giảm, đơn giản hóa theo chủ trương của Chính phủ.

Trong bối cảnh đó, Đảng, Quốc hội và Chính phủ đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng liên quan trực tiếp đến lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và cải cách thể chế. Ngày 10/01/2022, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 04/NQ-CP về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước, yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và lấy quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm. Ngày 30/7/2024, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 38-CT/TW về đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng quốc gia đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trong đó giao nhiệm vụ rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng theo hướng tập trung, thống nhất, hội nhập quốc tế, dựa trên hạ tầng kỹ thuật hiện đại, công nghệ số và mô hình quản trị thông minh.

Tiếp đó, ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhấn mạnh yêu cầu khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật để đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới. Ngày 08/01/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị quyết số 154/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, trong đó nhấn mạnh việc đẩy mạnh các hoạt động về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng gắn với hạ tầng chất lượng quốc gia, công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.

Ngày 26/3/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 66/NQ-CP về chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, đặt mục tiêu cắt giảm ít nhất 30% điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, 30% thời gian giải quyết thủ tục hành chính và 30% chi phí tuân thủ. Ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, yêu cầu từ bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh. Ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị tiếp tục ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, trong đó nhấn mạnh yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng pháp luật, giảm rào cản hành chính, cắt giảm mạnh điều kiện kinh doanh và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

Trên cơ sở các chủ trương, định hướng nêu trên, ngày 26/9/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 105/2025/NQ-UBTVQH15 về Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó quyết nghị trình Quốc hội xem xét, thông qua dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2026). Ngày 24/10/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2352/QĐ-TTg giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì soạn thảo dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường theo đúng tiến độ của Chương trình lập pháp năm 2026.

Trong bối cảnh hệ thống pháp luật Việt Nam đang được rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện toàn diện theo chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ giai đoạn 2025–2026, việc tổng kết, đánh giá và sửa đổi Luật Đo lường là hết sức cần thiết nhằm khắc phục các hạn chế, bất cập của pháp luật hiện hành; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số, kinh tế xanh; phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền; hiện đại hóa quản lý đo lường theo thông lệ quốc tế; và nâng cao năng lực hạ tầng chất lượng quốc gia phục vụ mục tiêu phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới.

## **2. Quá trình thực hiện tổng kết**

Bộ KH&CN đã thực hiện tổng kết thi hành Luật Đo lường năm 2011 trên phạm vi toàn quốc. Cụ thể như sau :

Thực hiện Quyết định số 2352/QĐ-TTg ngày 24/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH&CN) được giao chủ trì xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường, ngày 18/11/2025, Bộ KH&CN đã có Công văn số 6786/BKHCN-TĐC gửi các bộ ngành, đơn vị liên quan đề nghị cử đại diện tham gia Tổ soạn thảo xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đo lường theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở đánh giá tổng kết thi hành Luật Đo lường của các bộ ngành, đơn vị liên quan, Bộ KH&CN tổng hợp, xây dựng và hoàn thiện báo cáo tổng kết thi hành Luật Đo lường theo mẫu quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

### **1. Công tác chỉ đạo, triển khai và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật**

#### ***1.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thi hành Luật***

Luật Đo lường số 04/2011/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua tại Kỳ họp thứ 2 ngày 11/11/2011, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012. Mục tiêu của Luật Đo lường là tạo ra một hệ thống đo lường chính xác, thống nhất, minh bạch để bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (công bằng trong mua bán), thúc đẩy kinh tế (thương mại, hội nhập quốc tế), đảm bảo an toàn, sức khỏe (con người, môi trường), và phát triển khoa học công nghệ (chuẩn đo lường quốc gia, công nghệ tiên tiến), đồng thời tăng cường quản lý nhà nước về đo lường.

Để quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đo lường năm 2011, Bộ KH&CN đã xây dựng và trình Chính phủ ban hành các Nghị định:

(1) Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

(2) Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

(3) Nghị định số 154 ngày 09/11/2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

(4) Nghị định 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 86/2012/NĐ-CP; (5) Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(6) Nghị định số 132/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

(7) Nghị định số 36/2026/NĐ-CP ngày 23/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Quyết định số 1361/QĐ-TTg ngày 08/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia đến năm 2020, Quyết định số 1488/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phát triển chuẩn đo lường quốc gia đến năm 2030, Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 phê duyệt Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành các thông tư:

(1) Thông tư số 14/2013/TT-BKHCN ngày 12/7/2013 quy định về đo lường đối với chuẩn quốc gia;

(2) Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường;

(3) Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2, được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư: Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26/7/2019, Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN

ngày 15/4/2024;

(4) Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30/9/2013 quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

(5) Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 quy định về kiểm tra nhà nước về đo lường. Thông tư số 10/2022/TT-BKHCN ngày 28/7/2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 quy định kiểm tra nhà nước về đo lường;

(6) Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn;

(7) Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015 quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu. Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN ngày 15/6/2018 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi một số điều của Thông tư số 15/2015/TT-BKHCN ngày 25/8/2015 quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu;

(8) Thông tư số 06/2017/TT-BKHCN ngày 25/5/2017 quy định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo cho trạm quan trắc nước tự động, liên tục;

(9) Thông tư số 09/2017/TT-BKHCN ngày 27/6/2017 quy định về đo lường đối với phép đo khối lượng trong thương mại bán lẻ;

(10) Thông tư số 11/2018/TT-BKHCN ngày 06/8/2018 quy định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo cho trạm quan trắc môi trường không khí tự động, liên tục;

(11) Thông tư số 20/2019/TT-BKHCN ngày 10/12/2019 quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh khí và hoạt động công bố cơ sở pha chế khí tại Việt Nam;

(12) Thông tư số 54/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (thay thế Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN);

(13) Thông tư số 58/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số thông tư để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của bộ khoa học và công nghệ

### ***1.2. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Luật***

- Ngay sau khi Luật này có hiệu lực thi hành, Bộ KH&CN đã tổ chức phổ biến, tuyên truyền, đào tạo thông qua các hội nghị, hội thảo, lớp tập huấn để giới thiệu các quy định mới của Luật như kiểm tra nhà nước về đo lường, các quy định thực hiện phép đo khối lượng trong thương mại bán lẻ, quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn, quy định về đo lường, chất lượng trong kinh doanh xăng dầu, đặc biệt là các quy định về trình tự, thủ tục hành chính như phê duyệt mẫu, đăng ký, chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường.

- Tổ chức hội thảo hỗ trợ, hướng dẫn địa phương, giải đáp, tháo gỡ khó

khẩn vướng mắc của địa phương và thúc đẩy thực hiện các quy định của pháp luật về đo lường trong quá trình thực hiện tại địa phương.

- Giới thiệu quy định của pháp luật về đo lường của Việt Nam thông qua các hội nghị, hội thảo quốc tế.

- Phổ biến, giáo dục pháp luật qua hình thức trả lời văn bản, Bộ KH&CN đã trả lời, giải đáp nhiều vướng mắc về chính sách pháp luật thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước về đo lường thông qua các văn bản cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường; trả lời kiến nghị của cử tri liên quan đến việc triển khai các quy định về đo lường, vướng mắc, khó khăn trong giải quyết thủ tục hành chính; trả lời trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ.

- Bộ KH&CN cũng tích cực chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường, đặc biệt, đóng góp ý kiến trong công tác xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy pháp pháp luật của bộ, ngành.

Thông qua việc tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Luật nêu trên, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có điều kiện hiểu biết sâu hơn về pháp luật đo lường để triển khai thực hiện có hiệu quả khi văn bản quy phạm pháp luật được ban hành.

## **2. Kết quả thi hành văn bản quy phạm pháp luật, đánh giá ưu điểm, bất cập, hạn chế của văn bản quy phạm pháp luật**

### **2.1. Kết quả chung**

Luật Đo lường do Quốc hội ban hành và được triển khai thi hành trong thời gian qua đã tạo hành lang pháp lý quan trọng, thống nhất cho hoạt động đo lường trên phạm vi cả nước. Qua thực tiễn tổ chức thực hiện, Luật đã phát huy hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường; bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước, doanh nghiệp và người tiêu dùng; đồng thời hỗ trợ phát triển kinh tế – xã hội và thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Thứ nhất, khuôn khổ pháp lý về đo lường từng bước được hoàn thiện. Luật đã quy định tương đối đầy đủ các nội dung cơ bản của hoạt động đo lường, bao gồm: hệ thống đơn vị đo lường, chuẩn đo lường, phương tiện đo, phép đo, hàng đóng gói sẵn; hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường; trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành và địa phương. Trên cơ sở đó, hệ thống văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành được ban hành, góp phần hình thành khung pháp lý đồng bộ, thống nhất, tạo nền tảng cho công tác quản lý đo lường.

Thứ hai, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường được nâng lên. Trách nhiệm quản lý đo lường giữa Trung ương và địa phương từng bước được phân định rõ hơn; hoạt động chỉ định, cấp giấy chứng nhận cho các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được chuẩn hóa theo quy trình, tiêu chí rõ ràng, minh bạch. Công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành về đo lường được triển khai thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, qua đó kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm, tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động đo lường.

Thứ ba, hệ thống chuẩn đo lường và hạ tầng kỹ thuật đo lường được củng cố, phát triển. Luật Đo lường tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, phê duyệt, duy trì và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia, bảo đảm liên kết chuẩn, truy xuất nguồn gốc và độ tin cậy của kết quả đo. Hoạt động duy trì, bảo quản, khai thác và sử dụng chuẩn đo lường ngày càng đi vào nề nếp; mối liên kết từ chuẩn quốc gia đến chuẩn cơ sở được thiết lập và củng cố, góp phần bảo đảm tính thống nhất, độ chính xác và độ tin cậy của phép đo trong phạm vi cả nước. Năng lực đo lường của các tổ chức kỹ thuật, phòng thử nghiệm, cơ sở kiểm định, hiệu chuẩn từng bước được nâng cao, đáp ứng tốt hơn yêu cầu quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và nghiên cứu khoa học.

Thứ tư, mạng lưới tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm được phát triển theo hướng xã hội hóa. Luật Đo lường đã tạo hành lang pháp lý cho việc hình thành, chỉ định và quản lý hoạt động của các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Số lượng tổ chức được chỉ định tăng lên, phạm vi hoạt động được mở rộng, năng lực kỹ thuật từng bước được nâng cao; qua đó đáp ứng kịp thời nhu cầu của Nhà nước, doanh nghiệp và xã hội, giảm áp lực cho cơ quan quản lý nhà nước và tăng khả năng cung ứng dịch vụ đo lường.

Thứ năm, kiểm soát phương tiện đo trong các lĩnh vực trọng điểm được tăng cường. Công tác quản lý phương tiện đo được triển khai có trọng tâm, tập trung vào các lĩnh vực ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi người dân và trật tự thị trường như xăng dầu, điện, nước, y tế, thương mại, giao thông vận tải. Việc kiểm định định kỳ và kiểm soát đo lường trong mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ được đẩy mạnh, góp phần hạn chế gian lận đo lường, tăng tính công bằng, minh bạch trong giao dịch.

Thứ sáu, công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về đo lường có chuyển biến tích cực. Hoạt động thanh tra, kiểm tra chuyên ngành được tổ chức bài bản hơn, bám sát yêu cầu quản lý và tình hình thực tiễn. Nhiều hành vi vi phạm như sử dụng phương tiện đo chưa kiểm định, không phù hợp quy định kỹ thuật, gian lận trong phép đo... đã được phát hiện và xử lý kịp thời, qua đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.

Thứ bảy, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và người tiêu dùng được bảo vệ tốt hơn. Thông qua việc kiểm soát phương tiện đo và phép đo trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến đời sống dân sinh, Luật Đo lường góp phần hạn chế gian lận, bảo đảm công bằng trong giao dịch, củng cố niềm tin của người tiêu dùng và xã hội đối với kết quả đo. Nhận thức của doanh nghiệp và xã hội về vai trò của đo lường trong bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ và uy tín thị trường từng bước được nâng lên.

Thứ tám, hoạt động đo lường góp phần thúc đẩy hội nhập quốc tế. Việc tổ chức và quản lý hoạt động đo lường theo Luật tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam tham gia, thực hiện các cam kết quốc tế và các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực đo lường. Hệ thống đo lường quốc gia từng bước tiệm cận thông lệ, chuẩn mực quốc tế, hỗ trợ giảm rào cản kỹ thuật trong thương mại, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và vị thế của Việt Nam trong hợp

tác quốc tế về đo lường.

Nhìn chung, Luật Đo lường đã phát huy vai trò quan trọng trong việc thiết lập trật tự, kỷ cương pháp luật về đo lường, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội trong từng giai đoạn. Những kết quả đạt được là nền tảng quan trọng để tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện chính sách, pháp luật về đo lường trong thời gian tới, phù hợp với yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu rộng.

## **2.2. Kết quả cụ thể**

Quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật Đo lường đã xác định các hoạt động đo lường thuộc phạm vi quản lý nhà nước, bao gồm: đơn vị đo lường, chuẩn đo lường, phương tiện đo, phép đo, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và quản lý nhà nước về đo lường. Qua thực tiễn thi hành, các quy định này đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc tổ chức và triển khai công tác đo lường trên phạm vi cả nước, góp phần nâng cao nhận thức của cơ quan quản lý, tổ chức, cá nhân về vai trò của đo lường trong phát triển kinh tế – xã hội, bảo đảm công bằng trong giao dịch, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và phục vụ hội nhập quốc tế. Các hoạt động đo lường cơ bản được triển khai tương đối đồng bộ, góp phần duy trì trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực đo lường.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy phạm vi điều chỉnh của Luật hiện hành chủ yếu được xây dựng trên cơ sở mô hình đo lường truyền thống, tập trung vào phương tiện đo và phép đo vật lý, trong khi chưa theo kịp sự phát triển nhanh của khoa học – công nghệ và các mô hình đo lường mới. Nhiều hoạt động đo lường dựa trên phần mềm, dữ liệu đo lường, hệ thống đo thông minh, phép đo từ xa, cũng như việc khai thác và sử dụng dữ liệu đo lường phục vụ quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất, kinh doanh chưa được quy định đầy đủ, rõ ràng. Điều này làm hạn chế khả năng áp dụng các phương thức quản lý đo lường hiện đại, dựa trên dữ liệu và đánh giá rủi ro, đặt ra yêu cầu phải rà soát, điều chỉnh phạm vi điều chỉnh của Luật cho phù hợp với thực tiễn phát triển và yêu cầu chuyển đổi số.

Về đối tượng áp dụng, Luật Đo lường đã xác định phạm vi áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động đo lường tại Việt Nam, tạo cơ sở để triển khai quản lý nhà nước thống nhất, không phân biệt thành phần kinh tế. Thực tiễn cho thấy các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đo lường cơ bản tuân thủ các quy định của Luật; ý thức chấp hành pháp luật từng bước được nâng cao. Tuy nhiên, trong bối cảnh doanh nghiệp ngày càng trực tiếp thực hiện, vận hành và sử dụng các hệ thống đo lường trong sản xuất, kinh doanh, các quy định hiện hành chưa làm rõ đầy đủ trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tự bảo đảm độ tin cậy của phép đo, kiểm soát nội bộ, quản lý dữ liệu đo lường và trách nhiệm giải trình. Việc xác định rõ hơn vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời giảm gánh nặng kiểm soát trực tiếp từ phía cơ quan quản lý.

Các quy định về giải thích từ ngữ trong Luật Đo lường đã góp phần thống nhất cách hiểu và áp dụng các khái niệm cơ bản như đơn vị đo lường, chuẩn đo

lượng, phương tiện đo, phép đo, kiểm định, hiệu chuẩn và thử nghiệm, tạo cơ sở cho việc xây dựng các văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, hệ thống thuật ngữ hiện hành chưa phản ánh đầy đủ các yếu tố mới của hoạt động đo lường hiện đại, như đo lường dựa trên phần mềm, dữ liệu đo lường, hệ thống đo thông minh, phép đo từ xa, thừa nhận kết quả đo và các hoạt động đo lường phục vụ quản lý môi trường, năng lượng và phát triển bền vững. Việc thiếu vắng các khái niệm này gây khó khăn trong áp dụng pháp luật và giới hạn khả năng mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật trong thực tiễn.

Đối với các quy định về chính sách của Nhà nước về đo lường, Luật Đo lường đã tạo cơ sở pháp lý cho việc đầu tư phát triển hệ thống chuẩn đo lường quốc gia, tăng cường năng lực quản lý nhà nước, mở rộng mạng lưới tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm và thúc đẩy xã hội hóa hoạt động đo lường. Các chính sách này góp phần nâng cao chất lượng đo lường, tăng cường độ tin cậy của kết quả đo và đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, trong bối cảnh yêu cầu đổi mới phương thức quản lý ngày càng rõ nét, các chính sách về đo lường vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện theo hướng hiện đại, linh hoạt, dựa trên dữ liệu, phân cấp hợp lý và tăng cường tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động đo lường.

### **(1) Kết quả thực hiện các quy định về đơn vị đo lường**

Các quy định của Luật Đo lường về hệ thống đơn vị đo lường hợp pháp của Việt Nam được triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước. Việc xác định và áp dụng Hệ đơn vị đo lường quốc tế (SI) làm nền tảng cho hệ thống đơn vị đo lường quốc gia đã tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý nhà nước, hoạt động sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp cơ bản tuân thủ quy định về sử dụng đơn vị đo lường hợp pháp trong giao dịch thương mại, hồ sơ kỹ thuật và công bố thông tin, góp phần giảm nhầm lẫn, sai sót trong trao đổi và quản lý kỹ thuật.

### **(2) Kết quả thực hiện các quy định về chuẩn đo lường**

Việc triển khai các quy định của Luật Đo lường về chuẩn đo lường đã tạo cơ sở pháp lý cho công tác xây dựng, phê duyệt, duy trì, bảo quản và sử dụng hệ thống chuẩn đo lường quốc gia. Hệ thống chuẩn đo lường quốc gia được đầu tư, phát triển theo quy hoạch, từng bước bảo đảm liên kết chuẩn và truy xuất nguồn gốc đo lường từ chuẩn quốc gia đến chuẩn của tổ chức, doanh nghiệp. Thông qua hợp tác quốc tế, Việt Nam từng bước tham gia các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau, đặc biệt là CIPM MRA, góp phần nâng cao uy tín và vị thế của hệ thống chuẩn đo lường quốc gia.

### **(3) Kết quả thực hiện các quy định về phương tiện đo và phép đo**

Các quy định về quản lý phương tiện đo và phép đo được triển khai tương đối đầy đủ, đặc biệt đối với phương tiện đo nhóm 2 thông qua các hoạt động phê duyệt mẫu, kiểm định ban đầu, kiểm định định kỳ và kiểm định sau sửa chữa. Việc kiểm soát phương tiện đo trong các lĩnh vực trọng điểm như xăng dầu, điện, nước, y tế, thương mại, giao thông vận tải được tăng cường, góp phần bảo đảm độ chính xác của phép đo, hạn chế gian lận đo lường và bảo vệ quyền lợi hợp pháp

của người tiêu dùng.

Công tác phê duyệt mẫu phương tiện đo được triển khai thống nhất theo các thông tư hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ. Qua hơn 10 năm thực hiện, trung bình mỗi năm có hàng nghìn mẫu phương tiện đo nhập khẩu và hàng trăm mẫu sản xuất trong nước được phê duyệt, góp phần bảo đảm yêu cầu kỹ thuật đo lường, hạn chế phương tiện đo không đạt yêu cầu kỹ thuật được lưu thông trên thị trường, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực công nghệ và cạnh tranh.

#### **(4) Kết quả thực hiện các quy định về đo lường đối với hàng đóng gói sẵn và đo lường trong thương mại**

Việc phân loại hàng đóng gói sẵn thành hai nhóm theo mức độ rủi ro đã tạo cơ sở pháp lý cho việc áp dụng cơ chế quản lý phù hợp, tập trung nguồn lực kiểm tra đối với nhóm hàng có ảnh hưởng lớn đến quyền lợi người tiêu dùng, sức khỏe, môi trường, đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp chủ động, linh hoạt trong hoạt động sản xuất, kinh doanh đối với nhóm hàng thông thường. Công tác thanh tra, kiểm tra lượng của hàng đóng gói sẵn được triển khai thường xuyên, tập trung vào các mặt hàng thiết yếu, qua đó phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý thị trường và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

#### **(5) Kết quả thực hiện các quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

Luật Đo lường đã tạo hành lang pháp lý cho việc xã hội hóa hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường. Mạng lưới các tổ chức cung cấp dịch vụ đo lường được mở rộng, năng lực kỹ thuật từng bước được nâng cao thông qua đầu tư trang thiết bị, đào tạo nhân lực và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng. Hoạt động đăng ký, quản lý cung cấp dịch vụ đo lường góp phần chuẩn hóa các tổ chức đo lường, nâng cao độ tin cậy của kết quả đo và hỗ trợ thiết thực cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Song song với đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đã thực hiện chỉ định các tổ chức đo lường phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với phương tiện đo nhóm 2. Các tổ chức được chỉ định đã tham gia tích cực vào việc bảo đảm độ chính xác, tin cậy của phép đo trong mua bán, thanh toán, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường và phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám định theo quy định của pháp luật.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, yêu cầu đối với hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm ngày càng cao, đòi hỏi tiếp tục nâng cao năng lực kỹ thuật, nhân lực và từng bước ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý dữ liệu đo lường trong quản lý và cung cấp dịch vụ.

#### **(6) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm tra nhà nước, thanh tra và xử lý vi phạm về đo lường**

Công tác thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường được triển khai thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm, dưới nhiều hình thức, góp phần phát hiện, xử lý

kip thời các hành vi vi phạm. Qua đó, kỷ cương, trật tự trong hoạt động đo lường được tăng cường; ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân từng bước được nâng cao; công tác thanh tra, kiểm tra ngày càng gắn với tuyên truyền, phổ biến pháp luật và hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ.

### **(7) Kết quả thực hiện các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về đo lường**

Việc thực hiện các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về đo lường đã góp phần xác định rõ vai trò của Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp trong tổ chức thi hành pháp luật về đo lường. Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý từng bước được tăng cường; việc phân cấp, phân quyền trong quản lý đo lường được triển khai theo lộ trình, góp phần nâng cao tính chủ động, linh hoạt và hiệu quả quản lý nhà nước tại địa phương.

## **3. Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

### **(1) Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các quy định về phương tiện đo và phép đo**

Thực tiễn thi hành cho thấy phạm vi quản lý đối với phương tiện đo (đặc biệt phương tiện đo nhóm 2) ngày càng mở rộng theo yêu cầu bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo đảm công bằng thương mại và phục vụ quản lý nhà nước. Tuy nhiên, các quy định của Luật Đo lường về phân loại phương tiện đo, điều kiện quản lý và phương thức kiểm soát vẫn chủ yếu dựa trên mô hình phương tiện đo truyền thống; chưa theo kịp sự phát triển của phương tiện đo thông minh, đo tự động, đo liên tục, đo từ xa và các hệ thống đo có cấu phần phần mềm/thuật toán.

Một số quy định về quản lý phương tiện đo và phép đo (như phê duyệt mẫu, kiểm định ban đầu/định kỳ/sau sửa chữa) còn thiên về cách tiếp cận “tiền kiểm” và áp dụng tương đối đồng loạt, chưa tạo cơ sở pháp lý rõ ràng để phân loại theo mức độ rủi ro và áp dụng phương thức kiểm soát linh hoạt. Hệ quả là chi phí tuân thủ của doanh nghiệp có xu hướng tăng, trong khi cơ quan quản lý nhà nước cũng chịu áp lực lớn về nguồn lực khi phải bao phủ ngày càng nhiều loại phương tiện đo và bối cảnh sử dụng phức tạp hơn.

**Nguyên nhân** chủ yếu là do Luật Đo lường được xây dựng trong bối cảnh phương tiện đo chủ yếu là thiết bị cơ học/điện tử truyền thống; chưa dự liệu đầy đủ mô hình đo lường dựa trên phần mềm, dữ liệu, kết nối mạng và các phương thức tạo lập – xử lý – truyền dẫn kết quả đo theo thời gian thực.

### **(2) Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các quy định về đo lường đối với hàng đóng gói sẵn**

Luật Đo lường quy định phân loại hàng đóng gói sẵn thành 02 nhóm. Theo cơ chế hiện hành, hàng đóng gói sẵn nhóm 1 được quản lý theo cơ chế công bố áp dụng tự nguyện dấu định lượng; hàng đóng gói sẵn nhóm 2 được quản lý theo cơ chế đánh giá, chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng theo yêu cầu kỹ thuật đo lường tại ĐLVN 326:2015 “Điều kiện sử dụng dấu định lượng - Quy

trình đánh giá”.

Tuy nhiên, đến nay Danh mục hàng đóng gói sẵn nhóm 2 chưa được ban hành, do các nước ASEAN và nhiều quốc gia trong Tổ chức Đo lường pháp định quốc tế (OIML) còn đang nghiên cứu và chưa thống nhất về cách thức thiết lập Danh mục. Trên thế giới và thực tế triển khai, hàng đóng gói sẵn đang quản lý theo cơ chế tự nguyện áp dụng, làm phát sinh độ “vênh” giữa quy định trên luật và điều kiện triển khai.

Bên cạnh đó, quy định “Lượng của hàng đóng gói sẵn nhóm 2 phải phù hợp với yêu cầu kỹ thuật đo lường và phải có dấu định lượng trên nhãn hàng hóa” nếu áp dụng theo cách tiếp cận cứng nhắc có thể làm gia tăng chi phí quản lý nhà nước và chi phí tuân thủ, trong khi hiệu quả kiểm soát chưa tương xứng. Trong bối cảnh xu hướng tăng cường hậu kiểm, quản lý theo rủi ro và thúc đẩy cơ chế tự công bố, một số nội dung quản lý đối với hàng đóng gói sẵn cần được rà soát để bảo đảm tính khả thi, phù hợp thông lệ và phân bổ nguồn lực kiểm tra theo rủi ro.

### **(3) Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm**

Hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đã được xã hội hóa theo Luật Đo lường và các văn bản hướng dẫn (trong đó có Nghị định số 105/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP), mạng lưới tổ chức cung cấp dịch vụ phát triển nhanh. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn phát sinh vướng mắc về điều kiện hoạt động, thủ tục chỉ định/gia hạn/đình chỉ/thu hồi, cũng như cơ chế giám sát duy trì năng lực sau chỉ định. Một số quy định còn thiếu rõ ràng hoặc có điểm giao thoa với pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh và đánh giá sự phù hợp, dẫn tới cách hiểu và cách áp dụng chưa thống nhất.

Việc công nhận, thừa nhận kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm giữa các tổ chức trong nước, cũng như với tổ chức nước ngoài còn hạn chế; chưa hình thành cơ chế đủ rõ để hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là trong hoạt động xuất khẩu và tham gia chuỗi cung ứng có yêu cầu cao về truy xuất và thừa nhận lẫn nhau.

#### **Nguyên nhân chủ yếu gồm:**

Thứ nhất, mạng lưới tổ chức được chỉ định đã được hình thành tại hầu hết các địa phương và cơ bản đáp ứng nhu cầu kiểm định, hiệu chuẩn đối với các phương tiện đo phổ biến, thiết yếu như điện, nước, xăng dầu. Tuy nhiên, tại một số địa phương, đối với các lĩnh vực đo lường chuyên ngành hoặc các phương tiện đo có yêu cầu kỹ thuật cao, số lượng tổ chức được chỉ định còn hạn chế, dẫn đến trong một số trường hợp tổ chức, doanh nghiệp phải thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn tại địa phương khác, làm phát sinh thêm chi phí và thời gian.

Thứ hai, quy định về điều kiện chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm hiện hành còn mang tính áp dụng chung, chưa phản ánh đầy đủ sự đa dạng về quy mô, phạm vi hoạt động và điều kiện thực tế của các tổ chức cung cấp dịch vụ đo lường. Một số nội dung liên quan đến điều kiện chỉ định, trong đó có yêu cầu về tư cách pháp lý của tổ chức được chỉ định, chưa được quy định thật sự rõ

ràng, gây lúng túng trong quá trình áp dụng và tổ chức thực hiện.

Thứ ba, trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động chỉ định, việc phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương với các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương còn có nội dung chưa thật sự đồng bộ, đặc biệt trong quản lý các tổ chức được chỉ định hoạt động trên phạm vi liên tỉnh, liên vùng, ảnh hưởng đến tính thống nhất trong theo dõi, quản lý hoạt động của các tổ chức được chỉ định.

Thứ tư, các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động chỉ định, điều chỉnh, gia hạn và thu hồi quyết định chỉ định đã được ban hành tương đối đầy đủ và từng bước được chuẩn hóa. Tuy nhiên, trong bối cảnh yêu cầu cải cách thủ tục hành chính và đẩy mạnh chuyển đổi số, một số nội dung về quy trình thực hiện, phương thức tiếp nhận hồ sơ và quản lý dữ liệu cần tiếp tục được rà soát, cập nhật cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất và thuận lợi hơn cho tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.

#### **(4) Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các quy định về kiểm tra nhà nước, thanh tra và xử lý vi phạm về đo lường**

Thứ nhất, phạm vi đối tượng và lĩnh vực cần kiểm tra, kiểm soát đo lường ngày càng rộng, trong khi nguồn lực thực hiện thanh tra, kiểm tra còn mỏng và phân tán; điều kiện bảo đảm cho hoạt động thanh tra, kiểm tra chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn.

Thứ hai, một số quy định tại Nghị định số 86/2012/NĐ-CP, Nghị định số 105/2016/NĐ-CP và các thông tư hướng dẫn về thẩm quyền, trình tự, nội dung thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về đo lường còn có điểm chưa rõ hoặc chưa thật sự phù hợp với mô hình tổ chức và yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới.

Thứ ba, việc phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong thanh tra, kiểm tra đo lường ở một số nơi chưa chặt chẽ; còn hiện tượng chồng chéo hoặc bỏ sót đối tượng; hiệu quả triển khai chưa đồng đều giữa các địa phương, lĩnh vực (trong đó có nội dung kiểm tra đặc thù).

**Nguyên nhân** của những tồn tại, hạn chế nêu trên chủ yếu là do: (1) Hệ thống pháp luật về đo lường, đặc biệt là các quy định liên quan trực tiếp đến thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm, mặc dù đã được ban hành tương đối đầy đủ nhưng chậm được sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. (2) Nguồn nhân lực làm công tác thanh tra chuyên ngành đo lường còn hạn chế cả về số lượng và chuyên môn sâu; điều kiện bảo đảm cho hoạt động thanh tra, kiểm tra chưa đồng bộ. (3) Nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về đo lường của một bộ phận tổ chức, cá nhân chưa cao; trong khi đó, công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đo lường ở một số địa phương chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục.

Đặc biệt, từ sau ngày 01/7/2025, trong bối cảnh thực hiện Luật Thanh tra năm 2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành, tổ chức và hoạt động thanh tra của các bộ, ngành không còn như trước; mô hình thanh tra chuyên ngành tại bộ, ngành

có sự thay đổi căn bản, tác động trực tiếp đến việc tổ chức thực hiện công tác thanh tra trong lĩnh vực đo lường. Đồng thời, công tác kiểm tra nhà nước về đo lường đã được phân cấp, phân quyền theo Nghị định số 132/2025/NĐ-CP của Chính phủ, theo đó trách nhiệm tổ chức thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường chủ yếu giao cho cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương; cơ quan trung ương thực hiện vai trò hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra theo thẩm quyền. Các thay đổi này đòi hỏi phải rà soát, điều chỉnh quy định pháp luật về đo lường liên quan đến thanh tra, kiểm tra để bảo đảm thống nhất với pháp luật về thanh tra và cơ chế phân cấp quản lý nhà nước.

#### **(5) Khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về đo lường**

Luật Đo lường đã quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về đo lường giữa trung ương và địa phương; tuy nhiên trong thực tiễn còn điểm chưa rõ ràng về phạm vi trách nhiệm, cơ chế phối hợp và trách nhiệm giải trình, nhất là khi nhiệm vụ quản lý được giao ngày càng nhiều cho địa phương theo các quy định phân cấp, phân quyền mới. Một số nhiệm vụ được giao chưa đi kèm đầy đủ điều kiện bảo đảm thực hiện (nguồn lực, nhân lực, hạ tầng kỹ thuật), ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thi hành và tính thống nhất trong quản lý.

**Nguyên nhân** chủ yếu là do Luật Đo lường chưa được cập nhật kịp thời để tương thích với mô hình quản trị mới; cách tiếp cận quản lý còn thiên về thủ tục, chưa dựa nhiều vào dữ liệu và cơ chế giám sát theo rủi ro; cơ chế chia sẻ thông tin, kết nối dữ liệu giữa trung ương và địa phương chưa được thiết kế rõ trong Luật.

### **4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn**

#### **(1) Sự phát triển của chuyển đổi số trong đo lường, đo lường thông minh và phép đo từ xa**

Sự phát triển nhanh của công nghệ số, Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo và hệ thống dữ liệu lớn đã làm xuất hiện nhiều loại phương tiện đo thông minh, phương thức đo tự động, đo liên tục và đo từ xa. Phép đo không còn gắn hoàn toàn với phương tiện đo vật lý truyền thống mà được thực hiện thông qua phần mềm, thuật toán và hệ thống kết nối mạng. Trong thực tiễn, nhiều kết quả đo được tạo lập, xử lý và truyền dẫn tự động, làm căn cứ cho thanh toán, quyết toán và quản lý. Trong khi đó, Luật Đo lường năm 2011 chưa có quy định đầy đủ điều chỉnh đối với phần mềm đo lường, thuật toán đo, dữ liệu đo lường; cũng như yêu cầu về an toàn, toàn vẹn, truy xuất và trách nhiệm quản lý dữ liệu đo trong môi trường số.

#### **(2) Yêu cầu quản lý đo lường trong các lĩnh vực mới nổi**

Quá trình phát triển kinh tế - xã hội đã làm phát sinh nhu cầu quản lý đo lường trong nhiều lĩnh vực mới như đo lường môi trường, đo lường phát thải khí nhà kính, đo lường carbon, đo lường năng lượng tái tạo, đo lường trong y sinh học và công nghệ cao. Hệ thống chuẩn đo lường và phương tiện đo hiện có chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu quản lý đối với các lĩnh vực này; trong khi Luật Đo lường

năm 2011 chưa có quy định cụ thể làm cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, công nhận và sử dụng chuẩn đo lường, phương tiện đo và phép đo phục vụ các lĩnh vực mới phát sinh.

### **(3) Yêu cầu chuyển mạnh sang quản lý theo rủi ro, tăng cường hậu kiểm**

Xu hướng quản lý nhà nước hiện đại đặt ra yêu cầu chuyển từ quản lý tiền kiểm sang quản lý theo rủi ro và tăng cường hậu kiểm. Tuy nhiên, Luật Đo lường năm 2011 chủ yếu thiết kế các biện pháp quản lý theo tiền kiểm đối với phương tiện đo, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, dẫn đến chi phí tuân thủ cao và chưa phù hợp với thông lệ quốc tế. Thực tiễn thi hành cho thấy cần thiết phải đổi mới phương thức quản lý đo lường theo hướng phân loại rủi ro, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực, phương tiện đo có nguy cơ cao, đồng thời tăng cường trách nhiệm tự kiểm soát của tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện đo.

### **(4) Thay đổi mô hình phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước về đo lường**

Chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay đặt ra yêu cầu rà soát, điều chỉnh mô hình quản lý nhà nước về đo lường. Nhiều nhiệm vụ quản lý đo lường được giao cho địa phương thực hiện, song Luật Đo lường năm 2011 chưa được cập nhật tương ứng để bảo đảm rõ thẩm quyền, trách nhiệm và điều kiện thực hiện. Thực tiễn cho thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Đo lường nhằm bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về đo lường, đồng thời phát huy tính chủ động, trách nhiệm của địa phương theo đúng tinh thần phân cấp, phân quyền.

Hiện nay không còn Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Do đó, cần sửa đổi Luật Đo lường liên quan đến thanh tra về đo lường.

### **(5) Thiếu cơ chế đủ mạnh thúc đẩy chương trình bảo đảm đo lường trong doanh nghiệp**

Pháp luật hiện hành chưa quy định rõ trách nhiệm và phương thức triển khai hệ thống đo lường nội bộ trong doanh nghiệp – nơi phát sinh phần lớn hoạt động sản xuất, kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp chủ yếu tập trung vào kiểm định bắt buộc đối với phương tiện đo, chưa hình thành hệ thống bảo đảm đo lường toàn diện nhằm kiểm soát chất lượng và tối ưu hóa quy trình. Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp triển khai đo lường theo Quyết định 996/QĐ-TTg mới dừng ở mức khuyến khích, tự nguyện; chưa có công cụ pháp lý đủ rõ để thúc đẩy áp dụng rộng rãi, bền vững và gắn trách nhiệm giải trình với kết quả đo trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

## **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở kết quả tổng kết thi hành Luật Đo lường, các khó khăn, vướng mắc và những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn, để bảo đảm hệ thống pháp luật về đo lường theo kịp yêu cầu phát triển khoa học – công nghệ, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và cải cách quản lý nhà nước, đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ

sung một số nội dung chủ yếu sau đây:

## **1. Chính sách chuyển đổi số toàn diện hoạt động đo lường**

Qua tổng kết thi hành Luật Đo lường năm 2011 cho thấy, các quy định của Luật chủ yếu được xây dựng trên cơ sở mô hình đo lường truyền thống, gắn với phương tiện đo vật lý và phương thức quản lý thủ công. Trong khi đó, thực tiễn phát triển khoa học – công nghệ và chuyển đổi số đã làm xuất hiện nhiều hình thức đo lường mới như phương tiện đo thông minh, hệ thống đo tự động, phép đo từ xa, đo liên tục; kết quả đo được tạo lập, xử lý, lưu trữ và sử dụng dưới dạng dữ liệu điện tử trong quản lý nhà nước, giao dịch và thanh toán. Tuy nhiên, Luật Đo lường hiện hành chưa có quy định đầy đủ để điều chỉnh hoạt động đo lường trong môi trường số, đặc biệt chưa thừa nhận đầy đủ giá trị pháp lý của dữ liệu, chứng chỉ và phương thức quản lý số, dẫn đến khoảng trống pháp lý và hạn chế hiệu quả quản lý nhà nước về đo lường.

Trên cơ sở đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Đo lường theo hướng hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động đo lường trên nền tảng số. Trước hết, cần sửa đổi, bổ sung Điều 3 (Giải thích từ ngữ) nhằm cập nhật, bổ sung các khái niệm phù hợp với thực tiễn phát triển đo lường hiện đại. Theo đó, bổ sung quy định thừa nhận giá trị pháp lý của chứng chỉ kiểm định, hiệu chuẩn điện tử (e-Certificate) và tem đo lường điện tử/định danh số (Digital Identity) tương đương với chứng chỉ giấy và tem vật lý truyền thống, bảo đảm thống nhất với quy định của Luật Giao dịch điện tử. Đồng thời, bổ sung quy định về định danh phương tiện đo theo hướng mỗi phương tiện đo được cấp một mã định danh duy nhất gắn liền với thiết bị trong suốt vòng đời, từ khâu phê duyệt mẫu, sản xuất, nhập khẩu đến lưu thông, sử dụng và loại bỏ, trong đó ưu tiên áp dụng đối với phương tiện đo nhóm 2 để phục vụ quản lý tập trung và quản lý theo rủi ro. Cùng với đó, sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 theo hướng mở rộng khái niệm “phương tiện đo”, bao gồm thiết bị, dụng cụ đo; thiết bị, dụng cụ có chức năng đo; hệ thống đo; phương tiện đo có tích hợp phần mềm; thiết bị đo thông minh và cảm biến đo để thực hiện phép đo.

Bên cạnh việc hoàn thiện khái niệm, đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 4 (Nguyên tắc hoạt động đo lường) theo hướng xác lập các nguyên tắc quản lý đo lường hiện đại, phù hợp với môi trường số, bao gồm: hoạt động đo lường được thực hiện trên cơ sở dữ liệu và nền tảng số; quản lý phương tiện đo theo vòng đời và mức độ rủi ro; bảo đảm độ tin cậy, tính chính xác và giá trị pháp lý của phép đo và kết quả đo. Việc bổ sung các nguyên tắc này nhằm tạo nền tảng pháp lý cho đổi mới phương thức quản lý đo lường, đồng thời bảo đảm tính linh hoạt của Luật trước sự phát triển nhanh của công nghệ.

Để bảo đảm tính khả thi của quản lý đo lường trên môi trường số, đề nghị bổ sung nội dung quy định về cơ sở dữ liệu chuyên ngành về đo lường. Theo đó, cơ sở dữ liệu chuyên ngành về đo lường được xây dựng, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác theo các nguyên tắc bảo đảm tính thống nhất, chính xác, kịp thời, an toàn, bảo mật và hiệu quả, phục vụ quản lý nhà nước về đo lường và hoạt động của tổ chức, cá nhân có liên quan; được kết nối, chia sẻ và từng bước tích hợp, liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan. Luật

chỉ quy định nguyên tắc chung, giao Chính phủ quy định chi tiết về kết nối, chia sẻ và tích hợp dữ liệu; Bộ Khoa học và Công nghệ quy định cụ thể về cơ sở dữ liệu quốc gia về đo lường, quy trình cập nhật, khai thác và sử dụng dữ liệu.

Đồng thời, đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 55 (Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ) theo hướng tăng cường trách nhiệm phối hợp và chia sẻ dữ liệu trong quản lý đo lường. Trên cơ sở quy định hiện hành về trách nhiệm tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về đo lường, cần bổ sung trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc kết nối, cập nhật và chia sẻ dữ liệu liên quan đến hoạt động đo lường thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý vào cơ sở dữ liệu đo lường quốc gia, bảo đảm quản lý thống nhất, đồng bộ và hiệu quả trên phạm vi toàn quốc.

## **2. Chính sách nâng cao năng lực hệ thống đo lường quốc gia; phát huy vai trò doanh nghiệp tham gia xây dựng năng lực hệ thống đo lường quốc gia**

Thực tiễn thi hành Luật Đo lường năm 2011 cho thấy hệ thống đo lường quốc gia đã được hình thành và từng bước phát triển, góp phần bảo đảm độ tin cậy của phép đo trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, năng lực của hệ thống đo lường quốc gia còn chưa đồng đều, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các lĩnh vực công nghệ mới, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các lĩnh vực mới phát sinh như đo lường phát thải khí nhà kính, năng lượng mới, tín chỉ carbon và các đối tượng đo trong không gian số. Trong khi đó, Luật Đo lường hiện hành chưa có quy định đầy đủ làm cơ sở pháp lý cho việc phát triển các chuẩn đo lường mới, chuẩn đo lường chuyên ngành và cơ chế huy động nguồn lực xã hội cho phát triển hệ thống đo lường quốc gia.

Bên cạnh đó, vai trò của doanh nghiệp trong hệ thống đo lường quốc gia chưa được thể hiện đầy đủ trong Luật. Trên thực tế, doanh nghiệp là chủ thể trực tiếp tạo ra và sử dụng phần lớn các phép đo trong nền kinh tế, đồng thời có năng lực đầu tư, vận hành và đổi mới công nghệ đo lường. Tuy nhiên, Luật Đo lường hiện hành chủ yếu tiếp cận doanh nghiệp với tư cách là đối tượng chịu sự quản lý, chưa coi doanh nghiệp là chủ thể tham gia xây dựng, vận hành và phát triển năng lực hệ thống đo lường quốc gia, dẫn đến hạn chế trong xã hội hóa và hợp tác công tư trong lĩnh vực đo lường.

Trên cơ sở đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung Luật Đo lường theo hướng nâng cao năng lực hệ thống đo lường quốc gia, gắn đo lường với hạ tầng chất lượng quốc gia và phát huy vai trò chủ động của doanh nghiệp. Trước hết, cần sửa đổi Điều 4 (Nguyên tắc hoạt động đo lường) theo hướng khẳng định rõ hoạt động đo lường nhằm bảo đảm độ tin cậy của phép đo và củng cố niềm tin của xã hội đối với kết quả đo, coi đây là nền tảng của công bằng thương mại, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Đồng thời, cần sửa đổi, bổ sung Điều 5 (Chính sách của Nhà nước về đo lường) theo hướng tăng cường xã hội hóa và thúc đẩy hợp tác công tư trong phát triển đo lường. Theo đó, Nhà nước có chính sách xây dựng và phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu đo lường quốc gia, bảo đảm kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư

và tham gia vận hành hạ tầng đo lường theo hình thức hợp tác công tư. Bên cạnh đó, cần tăng cường vai trò của cơ quan đo lường quốc gia trong việc thiết lập, duy trì, bảo quản và sử dụng chuẩn đo lường quốc gia; nghiên cứu các phương pháp đo mới, đo đặc thù; thực hiện chuyển đổi số trong đo lường; làm đầu mối đại diện quốc gia tham gia các tổ chức chuyên môn kỹ thuật đo lường quốc tế và các thỏa thuận hợp tác quốc tế, phục vụ phát triển kinh tế – xã hội và hội nhập quốc tế. Nhà nước cũng cần ưu tiên nâng cao năng lực đo lường phục vụ công nghệ mới, năng lượng mới, nhóm sản phẩm công nghệ chiến lược; phục vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo; đáp ứng yêu cầu đo lường trong các lĩnh vực kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, tín chỉ carbon và các đối tượng đo trong không gian số.

Để thể chế hóa đầy đủ vị trí của đo lường trong hạ tầng chất lượng quốc gia, đề nghị bổ sung Điều 5a quy định hệ thống đo lường quốc gia là một bộ phận cấu thành của hạ tầng chất lượng quốc gia (NQI), được phát triển đồng bộ với các cấu phần khác gồm tiêu chuẩn, đánh giá sự phù hợp và công nhận. Theo đó, Nhà nước tổ chức xây dựng, phát triển và hiện đại hóa hệ thống đo lường theo lộ trình; ưu tiên các lĩnh vực, ngành, sản phẩm chủ lực, lĩnh vực công nghệ cao, lĩnh vực mới phát sinh và các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến an toàn, sức khỏe cộng đồng và môi trường.

Bên cạnh đó, cần sửa đổi, bổ sung Điều 6 (Hợp tác quốc tế về đo lường) theo hướng cho phép thừa nhận kết quả kiểm định, hiệu chuẩn, đo thử nghiệm phương tiện đo và chuẩn đo lường của tổ chức nước ngoài đối với các lĩnh vực đo mới, chuyên dụng, đặc thù khi Việt Nam chưa đủ năng lực thực hiện, nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu của sản xuất, xuất khẩu và hội nhập quốc tế.

Đối với phát triển chuẩn đo lường quốc gia, đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 13 theo hướng khuyến khích xã hội hóa, tạo điều kiện để các tập đoàn, doanh nghiệp đủ năng lực tham gia hoạt động phê duyệt, giữ và duy trì chuẩn đo lường quốc gia theo quy định, qua đó huy động hiệu quả nguồn lực xã hội và nâng cao năng lực kỹ thuật đo lường quốc gia.

Để thúc đẩy đo lường đi vào thực chất trong doanh nghiệp, đề nghị bổ sung Điều 25a quy định về Chương trình đảm bảo đo lường. Theo đó, Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng và áp dụng Chương trình đảm bảo đo lường nhằm tăng cường đổi mới hoạt động đo lường, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; đồng thời nghiên cứu áp dụng cơ chế miễn, giảm hoặc giảm tần suất thanh tra, kiểm tra nhà nước về đo lường đối với doanh nghiệp đã xây dựng và công bố áp dụng Chương trình đảm bảo đo lường. Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Chương trình này.

Đồng thời, để làm rõ trách nhiệm quản lý phép đo theo ngành, lĩnh vực, đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 30 và Điều 55 theo hướng tăng cường vai trò của các bộ, cơ quan ngang bộ trong quản lý chuyên ngành về phép đo. Theo đó, việc thực hiện phép đo phải tuân thủ yêu cầu kỹ thuật đo lường do cơ quan quản lý nhà nước về đo lường có thẩm quyền quy định hoặc do các bộ, ngành quy định sau khi thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan ngang bộ có trách

nhiệm đề xuất các loại phương tiện đo nhóm 2, hàng đóng gói sẵn nhóm 2 và yêu cầu kỹ thuật đo lường tương ứng để Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hoặc đề bộ, ngành ban hành sau khi thống nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ.

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định nêu trên sẽ góp phần nâng cao năng lực hệ thống đo lường quốc gia, phát huy vai trò chủ động của doanh nghiệp, huy động hiệu quả nguồn lực xã hội, đồng thời bảo đảm đo lường thực sự trở thành công cụ nền tảng phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế.

### **3. Chính sách phân định rõ thẩm quyền quản lý nhà nước về đo lường và điều chỉnh một số quy định cho phù hợp với thực tiễn**

Qua tổng kết thi hành Luật Đo lường năm 2011 cho thấy, một số quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về đo lường đã không còn phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành và chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước. Đặc biệt, kể từ khi thực hiện Luật Thanh tra năm 2022, mô hình thanh tra chuyên ngành đã có sự thay đổi căn bản; hiện nay không còn tổ chức Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, Thanh tra Sở Khoa học và Công nghệ, trong khi Luật Đo lường vẫn còn các quy định gắn với mô hình thanh tra cũ, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện và thiếu thống nhất với pháp luật có liên quan.

Trên cơ sở đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Đo lường theo hướng làm rõ điều kiện hoạt động, thẩm quyền quản lý và trách nhiệm của các chủ thể tham gia hoạt động đo lường, bảo đảm phù hợp với pháp luật hiện hành và yêu cầu quản lý thực tiễn. Trước hết, cần sửa đổi Điều 25 về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm. Theo đó, sửa đổi điểm a khoản 1 theo hướng thay thế yêu cầu “có tư cách pháp nhân” bằng quy định “được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam”; sửa đổi khoản 2 để khẳng định tổ chức được chỉ định thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm bắt buộc phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định và phải được cơ quan có thẩm quyền chỉ định. Đồng thời, sửa đổi khoản 3 theo hướng Chính phủ quy định chi tiết điều kiện chung; Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc chỉ định tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm, bảo đảm phân định rõ thẩm quyền và thống nhất trong tổ chức thực hiện.

Đối với quản lý hàng đóng gói sẵn, đề nghị sửa đổi Điều 34 theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, phù hợp với phương thức quản lý theo hậu kiểm và tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp. Theo đó, sửa đổi khoản 2 để bỏ yêu cầu cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sử dụng dấu định lượng, chuyển sang cơ chế doanh nghiệp tự quyết định việc mang dấu định lượng trên nhãn hàng hóa khi đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đo lường. Đồng thời, sửa đổi khoản 3 theo hướng chuyển từ cơ chế “cấp giấy chứng nhận” sang “công bố dấu định lượng”, góp phần giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Cùng với đó, tiếp tục hoàn thiện vai trò của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp trong lĩnh vực đo lường thông qua việc làm rõ nội dung khoản 1 Điều 41, theo đó khẳng định vai trò tư vấn, phản biện và tham gia xây dựng văn bản quy phạm

pháp luật, đề án, dự án phát triển về đo lường theo quy định của pháp luật, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng chính sách và tăng cường sự tham gia của xã hội.

Đề phù hợp với phương thức quản lý hiện đại, đề nghị bổ sung Điều 41a quy định nguyên tắc hoạt động kiểm tra nhà nước về đo lường, theo đó hoạt động kiểm tra được thực hiện trên cơ sở quản lý dữ liệu và mức độ rủi ro, tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực, phương tiện đo và hoạt động có nguy cơ cao; Chính phủ quy định chi tiết nội dung này nhằm bảo đảm tính linh hoạt và hiệu quả trong tổ chức thực hiện.

Đồng thời, cần rà soát, điều chỉnh các quy định về thẩm quyền kiểm tra nhà nước về đo lường cho phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hiện nay. Theo đó, sửa đổi khoản 3 Điều 46 theo hướng giao Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan thực hiện kiểm tra nhà nước về đo lường trên địa bàn trong phạm vi được phân cấp. Cùng với đó, bãi bỏ các quy định không còn phù hợp liên quan đến mô hình thanh tra cũ, như việc bãi bỏ cụm từ “Chánh Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ” tại khoản 5 Điều 52, bảo đảm thống nhất với pháp luật về thanh tra hiện hành.

Bên cạnh việc điều chỉnh thẩm quyền kiểm tra, đề nghị tiếp tục hoàn thiện các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước của các bộ, ngành và địa phương. Theo đó, sửa đổi, bổ sung Điều 55 để quy định rõ trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ trong việc chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về phép đo thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công. Đồng thời, sửa đổi Điều 56 theo hướng cập nhật mô hình chính quyền địa phương hiện hành, bỏ các quy định liên quan đến cấp huyện, bổ sung và làm rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc chủ trì, tổ chức thực hiện hoạt động đo lường phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn.

Việc sửa đổi, bổ sung các quy định nêu trên sẽ góp phần hoàn thiện cơ chế phân công, phân cấp quản lý nhà nước về đo lường, bảo đảm thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính trong giai đoạn mới.

Bộ Khoa học và Công nghệ trân trọng báo cáo và kính trình Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Xuân Định;
- Lưu: VT, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Lê Xuân Định**